

**BÁO CÁO K T QU HO T NG S NXU T KINH DOANH N M 2008,
K HO CH S NXU T KINH DOANH VÀ UT XDCB N M 2009
C NG G P C A CÔNG TY C PH N VI N THÔNG TH NG LONG**

H i ng qu n tr Công ty C ph n Vi n thông Th ng Long trình i h i ng c ông Báo cáo t ng k t k t qu th c hi n k ho ch s n xu t kinh doanh, ut xây d ng c b n n m 2008 và K ho ch n m 2009 c a Công ty nh sau:

PH N I: BÁO CÁO K T QU HO T NG S NXU T KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH N M 2008

1. K t qu th c hi n k ho ch S n xu t kinh doanh n m 2008:

n v tính: *Tri u ng*

TT	Ch tiêu	Th c hi n n m 2007	N m 2008			% th c hi n 2008/2007
			K ho ch	Th c hi n	% th c hi n/k ho ch	
1	T ng doanh thu	177.771	174.900	134.203	77	76
2	L i nhu n tr c thu	8.378	11.720	(52.519)	(448)	(629)
3	L i nhu n sau thu Công ty c nh n	6.919	7.580	(52.519)	(693)	(759)
4	C t c (%)	6	6			

M t s nguyên nhân ch y u nh h ng n tình hình th c hi n k ho ch s n xu t kinh doanh n m 2008 c a Công ty:

✓ **Do kh ng ho ng tài chính:** Cu i n m 2007 và n m 2008, kh ng ho ng kinh t trên th gi i và khu v c có nh h ng sâu r ng n n n kinh t Vi t Nam, làm gi m ut , tiêu dùng; các l nh v c ho t ng c a n n kinh t u gi m sút, trong ó l nh v c vi n thông b nh h ng n ng n .

✓ **Thi u v n s n xu t kinh doanh:** Trong n m, do Công ty ti p t c ut xây d ng c b n c ng v i doanh thu b thu h p, kh n ng huy ng vay v n h n ch d n n thi u v n tr m tr ng.

✓ **S n ph m thay th :** S chuy n h ng c a th tr ng t s d ng cáp ng sang cáp quang càng khi n cho Công ty g p khó kh n, trong khi ó n Quý IV/2008 dâ chuy n cáp quang m i ti n hành ch y th , hi u ch nh, thành ph m ch a c nh mong i.

✓ **Th tr ng c nh tranh ngày càng kh c li t:** Các i th c nh tranh ut , nâng cao công su t, a d ng hóa s n ph m, h giá thành trong khi nhu c u th tr ng ngày càng gi m sút.

✓ **Công tác quản lý phân tán:** Trong năm, do Công ty tập trung cho quá trình đầu tư và quy hoạch XDCB nên hình thức công tác quản lý đầu tư hành sản xuất kinh doanh nói chung.

✓ Tập thể CBCNV trong Công ty chấp hành tốt, lòng khố khố.

✓ **Dây chuyền xuất ch m hoàn thành, công suất sản xuất thấp:** Quá trình đầu tư của Công ty dây d a kéo dài d n t i các chi phí kèm theo l n, các dây chuyền hoạt đ ng c m ch ng th m chí g n nh không hoạt đ ng (dây chuyền cáp quang, dây chuyền cáp i n) khi n các chi phí sản xuất l n c bi t là chi phí kh u hao, nhân công...

✓ **Các chi phí sản xuất v t nh m c l n, dây chuyền hoạt đ ng kém n nh:** Khâu k thu t và quản lý sản xuất còn y u kém, ch a áp ng yêu c u t ra, giá thành sản xuất cao, nh h ng n k t qu s sản xuất kinh doanh của Công ty.

✓ **Chi phí u vào bi n ng l n:** u n m 2008, hàng t n kho của Công ty r t l n (t n kho 179 t ng) v i giá cao, c bi t là dây ng t n h n 33,4 t ng v i giá mua kho ng 140.000 ng/kg nh ng trong n m 2008 giá ng gi m ch còn t 60.000 ng - 82.000 ng/kg, t n các v t t : B ng nhôm, b ng myla quá kh h n 8 t ng không th dùng sản xuất hay bán c ... gây r t nhi u khó kh n cho Công ty trong quá trình sản xuất, tiêu th thành ph m. D n t i giá thành sản xuất của Công ty cao h n giá bán; càng bán hàng càng l . Cu i n m, Công ty ph i l p đ phòng gi m giá hàng t n kho g n 14 t ng.

✓ **nh h ng t vi c th c hi n c a n m tr c:** Nh ã trình bày m c trên, ngoài vi c nguyên v t li u t n kho v i giá cao thì vi c ch n mua v t t v i s l ng l n, trong khi Công ty ang r t khó kh n v v n l u ng, không kh n ng thanh toán cho nhà cung c p d n t i chi phí lãi vay t ng cao. Ngoài ra, n m 2008 ph i phân b m t s chi phí t n ng t các n m tr c.

2. M t s ch tiêu tài chính c b n và tình hình tài s n ngu n v n n m 2008:

2.1. M t s ch tiêu tài chính c b n:

TT	Chi tiêu	v n	N m 2007	N m 2008
1	C c u tài s n			
	- Tài s n ng n h n/T ng tài s n	%	74,92	33,29
	- Tài s n dài h n/T ng tài s n	%	25,08	66,71
2	C c u ngu n v n			
	- N ph i tr /T ng ngu n v n	%	34,27	23,88
	- Ngu n v n ch s h u/T ng ngu n v n	%	65,73	76,12
3	Kh n ng thanh toán			

	- Kh n ng thanh toán nhanh	l n	0,06	0,05
	- Kh n ng thanh toán hi n hành	l n	2,19	7,27
4	T su t l i nhu n			
	- T su t l i nhu n sau thu /T ng tài s n	%	1,97	(25,78)
	- T su t l i nhu n sau thu /Doanh thu thu n	%	3,89	(39,13)
	- T su t l i nhu n sau thu /Ngu n v n ch s h u	%	3,00	(33,86)

2.2. Tình hình tài s n ngu n v n t i ngày 31/12/2008:

ng v tính: ng

CH TIÊU	31/12/2008	01/01/2008
A. TÀI S N		
I. TÀI S NNG NH N	67.826.454.180	262.887.556.386
1. T i n và các kho n t ng ng t i n	508.275.559	7.005.456.357
2. Các kho n u t tài chính ng n h n		
3. Các kho n ph i thu ng n h n	17.799.078.811	68.627.898.324
4. Hàng t n kho	45.609.266.385	178.838.980.187
5. Tài s n ng n h n khác	3.909.833.425	8.415.221.518
II. TÀI S NDÀI H N	135.929.214.451	87.996.910.185
1. Các kho n ph i thu dài h n		
2. Tài s n c nh	134.823.806.453	84.579.045.215
- Tài s n c nh h u hình	122.127.138.053	40.829.167.185
- Tài s n c nh vô hình	10.709.829.919	11.098.269.345
- Chi phí xây d ng c b n d dang	1.986.838.481	32.651.608.685
3. B t ng s n u t		
4. Các kho n u t tài chính dài h n	10.000.000	10.000.000
5. Tài s n dài h n khác	1.095.407.998	3.407.864.970
T NG C NG TÀI S N	203.755.668.631	350.884.466.571

B. NGU N V N		
III. N ph i tr	48.646.778.099	120.257.382.006
1. N ng n h n	34.245.107.297	120.257.382.006
2. N dài h n	14.401.670.802	
IV. V N CH S H U	155.108.890.532	230.627.084.565
1. V n ch s h u	154.546.281.768	229.628.607.303
- V n ut c ach s h u	100.000.000.000	100.000.000.000
- V n góp h p ng HTKD		19.003.126.290
- Th ng d v n c ph n	91.000.000.000	91.000.000.000
- Qu ut phát tri n	11.718.534.049	11.718.534.049
- Qu d phòng tài chính		988.208.710
- L i nhu n ch a phân ph i	(48.172.252.281)	6.918.738.254
2. Ngu n kinh phí và các qu khác	562.608.764	998.477.262
- Qu khen th ng, phúc l i	562.608.764	998.477.262
T NG C NG NGU N V N	203.755.668.631	350.884.466.571

* **Dây chuy n s n xu t cấp s i quang:** Dây chuy n s n xu t cấp s i quang c u t theo h p ng h p tác kinh doanh s 02/TLT-SAM ngày 02/05/2007 gi a Công ty TNHH Cấp Th ng Long v i Công ty c ph n Cấp và V t li u Vi n thông Sacom. V n ut TSC d ki n là 2.780.000 USD do các bên góp v n, v n l u ng d ki n 1.876.704 USD c huy ng b ng ngu n v n vay Ngân hàng. Th c t các bên tham gia góp v n n h t n m 2008 ut TSC là: 30,668 t ng. C th nh sau:

n v tính: 1000 ng

Nhà ut	T l ng ký (%)	S ti n th c góp n 31/12/2008	T l th c góp (%)
1. Công ty TNHH Cấp Th ng Long	20	9.883.941	34,73
2. Công ty CP Cấp và V t li u VT Sacom	20	8.935.476	31,40
3. Công ty C ph n Sam C ng	5	2.240.680	7,87

4. Công ty Cổ phần Sam Thành	5	1.390.319	4,88
5. Công ty Cổ phần Nhà Sam Phú	5	264.089	0,92
6. Công ty Cổ phần Trại Phú	10	0	0
7. Các công khác	35	5.741.700	20,20
- CBCNV Công ty Cấp Thành Long, VT Thành Long		4.036.200	14,18
- CBCNV Công ty Cổ phần Sam Thành		850.500	2,98
- CBCNV Công ty Cổ phần Nhà Sam Phú		855.000	3,04
Tổng cộng	100	28.456.205	100

(Số tiền Công ty TNHH Cấp Thành Long góp vốn đầu tư vào đây chuyển cấp số i quang của bao gồm phần giá trị nhà xưởng, thiết bị, ...).

3. Báo cáo tình hình tài chính đầu XDCB năm 2008:

Trong năm 2008, Các đầu tư của Công ty không có phát sinh mới, mà chủ yếu là tài chính từ năm 2007 chuyển sang. Tổng giá trị đầu tư quy toán trong năm 2008 là: 88,174 tỷ đồng. Trong đó, tài chính từ Công ty TNHH Cấp Thành Long (đầu tư cho nhà máy tại Hưng Yên): 86,976 tỷ đồng và Công ty CP Viễn thông Thành Long: 1,196 tỷ đồng.

Đối với đầu tư xây dựng Nhà máy tại Khu công nghiệp Phố Nối A (thuộc Công ty TNHH Cấp Thành Long) tài chính từ năm 2007, năm cuối năm 2008 vẫn chưa hoàn thành. Riêng đối với đầu tư sản xuất cấp số i quang, phần đầu tư chuyển bổ sung vốn đang tiếp tục tài chính, năm nay đã hoàn thành và đang trong giai đoạn chạy thử.

Công ty cũng đã ký hợp đồng với Công ty kiểm toán và nhà giá trị Nam kiểm toán vốn đầu tư xây dựng nhà máy Hưng Yên, năm nay vì kiểm toán đã tài chính xong (gồm kèm báo cáo kiểm toán).

4. Báo cáo nguồn nợ ngân hàng năm 2008: Tổng quy định nợ và các khoản theo lệnh (BHXH, BHYT, phúc...) của Công ty đã hạch toán vào chi phí năm 2008 là: 4.896.176.799 đồng.

5. Báo cáo thù lao HĐQT và BKS năm 2008: Năm 2008, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tốt, nên Công ty trả thù lao cho HĐQT và BKS.

PHẦN II: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2009

1. Nhiệm vụ chính và khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009

1.1. Thuận lợi:

- Công ty đã tổ chức thi đua trên thị trường cáp viễn thông.

- Tập đoàn xây dựng cơ sở hạ tầng tại Việt Nam còn rất lớn do các nhà đầu tư tham gia cùng các sản phẩm cho các công trình xây dựng dân dụng, viễn thông và viễn thông.

- Công ty đã hoàn thành việc xuất nhập khẩu các thiết bị nhà xưởng, văn phòng làm việc. Hệ thống máy móc các dây chuyền công nghệ, hiện nay các nhà đầu tư tiên tiến.

1.2. Khó khăn:

- Tập đoàn CBCNV trong Công ty chấp hành tốt các quy định, chấp hành cùng nhau nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn thách thức hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm.

- Kỹ thuật sản xuất chấp hành tốt các quy định, phân phối nhiều, nhóm sản xuất chấp hành tốt chính sách xây dựng nhà cấp quang, cáp viễn thông, dây viễn thông dân dụng...

- Hệ thống dây chuyền cáp quang chấp hành hoàn thành (dây chuyền công nghệ), hệ thống khuôn mẫu chấp hành tốt không ngừng. Tháng 5/2009 mới sản phẩm mới như cáp 4FO, 6FO, 16FO, 36FO, 48FO, dây thuê bao... mới chấp hành và thách thức chấp hành, các sản phẩm mới như cáp viễn thông, dây viễn thông dân dụng tháng 6/2009 mới bắt đầu chấp hành...

- Vấn đề nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh còn thiếu hụt và chấp hành. Việc tiếp cận nguồn vốn vay và vốn ngoại tệ gặp nhiều khó khăn. Nhu cầu của Công ty hiện đang tăng, dòng sản xuất do thiếu vốn mua vật tư.

- Chế độ hàng chung của các khách hàng kinh tế thị trường hiện nay bị ảnh hưởng tiêu cực của kinh tế Việt Nam, xuất nhập khẩu, giảm phát cùng với giá cả các vật tư chính như thép, nhôm, nhựa, dầu... luôn bị ảnh hưởng bởi các biến động giá cả thị trường và khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.

- Tỷ giá USD hiện bị ảnh hưởng theo chi phí tăng giá của các chi phí tài chính, giảm khả năng cạnh tranh.

2. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009

2.1. Cấp viễn thông:

Cùng với những thành tựu của các khách hàng kinh tế, năm 2009 thị trường cấp viễn thông tiếp tục thu hút đáng kể do ngành viễn thông chuyển tiếp sang sử dụng cáp sợi quang do có tính năng truyền thông tin vượt trội.

Do thị trường thu hút và cạnh tranh gay gắt, Công ty phải nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm và mở rộng thị trường với các khách hàng mới và tập đoàn như FPT, G.Tel, CMC, ... ý muốn công tác tiếp thị bán hàng, ưu tiên bán các sản phẩm tận kho các nhà máy để giảm chi phí vận chuyển.

Các sản phẩm tận kho các nhà máy chủ yếu là cáp lõi 200x2x0.5 và cáp 0.4. Các loại cáp này nhu cầu thị trường rất ít, kế hoạch Công ty sẽ tách cáp lõi thành các

cấp nháp ứng nhu cầu thị trường. Vì các lý cấp t n kho m t nhi u th i gian và v t t nên làm gì m kh n ng c nh tranh trên th tr ng.

K ho ch s n xu t kinh doanh cấp ng n m 2009 và 2010 nh sau:

TT	Ch tiêu	n v	Th c hi n 2008	K ho ch 2009	K ho ch 2010
1	T ng s n l ng	Km ôi dây	8.473	138.000	140.000
2	T ng doanh thu	Tri u ng	13.114	41.000	41.000
3	L i nhu n tr c thu	Tri u ng	(6.879)	0	2.000

2.2. Cấp s i quang

Vì c ngành vi n thông chuy n t cấp ng sang s d ng cấp s i quang là c h i t t Công ty phát tri n kinh doanh s n ph m này. N m 2009, VNPT u t m ng FTTX, Viettel m r ng m ng trong n c và cung c p d ch v ra n c ngoài, FPT Telecom m r ng m ng ADSL sang các t nh, thành, các m ng vi n thông m i ra i nh G.tel, CMCnh v y nhu c u th tr ng cấp quang n m 2009 là r t l n.

Tháng 5/2009 m t s s n ph m m i nh cấp 4 Fo, 6 FO, 16 Fo, 36 Fo, 48 Fo, dây thuê bao... m i ch y th và th c hi n th t c h p chu n... ã làm tr kh n ng cung c p các s n ph m cho th tr ng. n cu i tháng 7/2009, dây chuy n b c v cấp quang v c b n hoàn thành vi c l p t và ch y th ; tuy nhiên, h th ng khuôn m u ch a y , k thu t s n xu t ch a n nh.

K ho ch SXKD cấp s i quang n m 2009 và n m 2010 nh sau:

TT	Ch tiêu	n v	Th c hi n 2008	K ho ch 2009	K ho ch 2010
1	T ng s n l ng	Km S i quang		30.000	76.000
2	T ng doanh thu	Tri u ng		15.000	40.000
3	L i nhu n tr c thu	Tri u ng		600	3.200

2.3. Cấp i n l c và dây i n dân d ng

M c dù b nh h ng c a cu c kh ng ho ng kinh t song nhu c u th tr ng v cấp i n l c và dây dân d ng cho các công trình u t dân d ng và i n l c v n còn r t l n. ây là s n ph m m i c a Công ty nên b c u thâm nh p vào th tr ng c nh tranh s g p r t nhi u khó kh n.

Tuy nhiên, kết quả sản xuất của Công ty chưa thực sự sáng, các sản phẩm cấp 1, dây 1 nhân dân tháng 6/2009 mới bắt đầu xuất hiện. Cuối tháng 7/2009, Công ty đã sản phẩm dây 1 nhân dân ra thị trường.

Khoản chi sản xuất kinh doanh cấp 1 và dây dân nhân năm 2009 và năm 2010 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2008	Khoản chi 2009	Khoản chi 2010
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng		3.000	40.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng		0	2.000

2.4. Ngành nghề và vị trí thông tin

Do thị trường cấp ngành vị trí thông tin thu hẹp nên nhu cầu thị trường ngành nghề và vị trí thông tin giảm sút nghiêm trọng; hiệu quả kinh doanh ngành nghề không cao, nên Công ty nên hình thành thu hẹp và vị trí không sản xuất kinh doanh sản phẩm này.

Khoản chi sản xuất kinh doanh ngành nghề và vị trí thông tin năm 2009 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2008	Khoản chi 2009	Khoản chi 2010
1	Tổng sản lượng	Km	342	30	
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	5.745	1.000	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(2.161)	0	

2.5. Bảng tổng hợp Khoản chi sản xuất kinh doanh (Hợp nhất)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2008	Khoản chi 2009	Khoản chi 2010
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	134.203	60.000	121.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(52.519)	600	7.200
4	Lợi nhuận năm 2008 chuyển sang	Triệu đồng	-	(51.919)	(51.919)
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-	(51.919)	(44.719)

2.5. Kế hoạch tài chính năm 2009:

Nhã trình bày trên, tình hình hoạt động SXKD năm 2009 của Công ty còn gặp nhiều khó khăn do thị trường b thu hẹp, thiuvn kinh doanh, vìcút các dây chuyền còn d dang, ... Ban iu hành Công ty ang c g ng s d ng ngu n nhân l c t i t k i m nh t, tuy nhiên v n ph i có chính sách gi nh ng ng i có n ng l c và kinh nghi m làm vi c, có tâm huy t v i Công ty. Kế hoạch tài chính năm 2009 nh sau:

S lao ng bình quân năm 2009: 160 ng i

M c t i n l ng bình quân: 2.600.000 ng/ng i/tháng

T ng qu l ng: 4.992.000.000 ng (B n t , chín tr m chín m i hai tri u ng).

Ph ng th c tr l ng: H i t i, Công ty ang tr l ng theo th i gian. Trong th i gian t i s xây d ng ph ng án tr l ng khoán cho các n v , b ph n.

M t s gi i pháp c n thi t hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2009:

✓ **T ch c l i các phòng ban ch c n ng:** Công ty c n ph i t ch c l i, phân công rõ ràng ch c n ng, nhi m v c a t ng phòng ban nh m ràng bu c rõ ràng vai trò trách nhi m c a các phòng ban, t ó có quy ch th ng ph t phân minh, tránh tình tr ng ùn y trách nhi m.

✓ **Xây d ng và th c hi n t t kế hoạch tài chính, áp ng nhu c u SXKD:** Là m t trong nh ng y u t u tiên mang tính quy t nh và luôn song hành trong quá trình SXKD, Công ty c n có kế hoạch tài chính phù h p v i tình hình th c t i nh m áp ng t t cho kế hoạch SXKD em l i hi u qu cao.

✓ **Kế hoạch mua s m NVL u vào ph i g n v i kh n ng s n xu t tiêu th s n ph m và tình hình tài chính:** Công ty c n ón b t xu h ng c a th tr ng có nh ng quy t sách h p lý gi m thi u t i a nh ng r i ro v giá, nh ng th t thoát do b ph t l ã ch m tr , do NVL l i th i không phù h p ph i thanh lý h y b .

✓ **Xây d ng nh m c tiêu hao s n xu t phù h p v i th c t :** Hi n t i các y u t u vào c a công ty ang d n c i t i n, máy móc hi n i, s n ph m phong phú nh ng v n s d ng các nh m c c không còn phù h p v i th c t . M t khác, chi phí s n xu t th ng xuyên v t nh m c v i c s l n gây th t thoát lãng phí.

✓ **n nh s n xu t, nâng cao công su t máy g n li n v i ch t l ng s n ph m, h giá thành:** Nhanh chóng hoàn thành các dây chuyền TXDCB còn d dang, n nh các dây chuyền s n xu t nh m gi m thi u t i a các chi phí ch y th , ph ph m trong s n xu t k t h p y m nh tiêu th s n ph m nâng cao công su t dây chuyền.

✓ **y m nh quá trình tiêu th s n ph m:** i ôi v i s n xu t, Công ty c n ph i a d ng hóa các kênh phân ph i s n ph m, tránh t n ng, y m nh h n n a vòng quay hàng t n kho t ó nâng cao hi u qu s d ng v n.

PHẦN III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2009:

- Công ty tiếp tục thực hiện xuất nhập khẩu hoàn thành dây chuyền sản xuất cấp sợi quang thuộc Công ty TNHH Cấp Thành Long.

- Ngoài ra, Công ty đang xúc tiến làm việc với các tác nhân Công hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên liên doanh liên kết cùng góp vốn đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Cấp sợi quang viễn thông tại CHDCND Triều Tiên. Phía Công ty sẽ góp vốn bằng các dây chuyền sản xuất cấp sợi quang hiện nay đang có và chi phí vận chuyển giao công nghệ sản xuất; phía tác nhân góp vốn bằng giá trị quyền sở hữu đất, chi phí xây dựng nhà xưởng, vốn lưu động.

Trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI NGƯỜI QUẢN TRỊ
CÔNG TY

Đã ký, đóng dấu

V n Tr c